FireAnt

CTCP Tập đoàn VNG (UPCOM: VNZ)

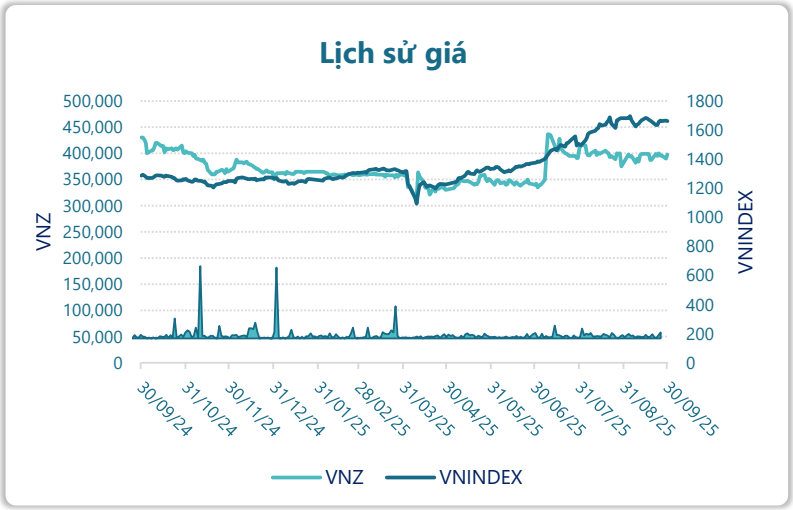

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**398,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	436,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	316,000
SL cổ phiếu LH	29,376,974
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,130
% sở hữu nước ngoài	47.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,692
P/E	-30.7
EPS	-12,967

DT thuần

Q3/25

2,894

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 323| 12.6%

YoY: ▲ 315| 12.2%

LN sau thuế

Q3/25

-7.23

tỷ VNĐ

QoQ: ▼21.8| -150%

YoY: ▲ 3.87| 34.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

1.8%

+/- YoY: ▼ 1.0%

DT thuần

9T 2025

7,697

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 805| 11.7%

LN sau thuế

9T 2025

-7.53

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 589| 98.7%

ROE

Q3/25

-25.8%

+/- YoY: ▼ 2.9%

Kết quả kinh doanh

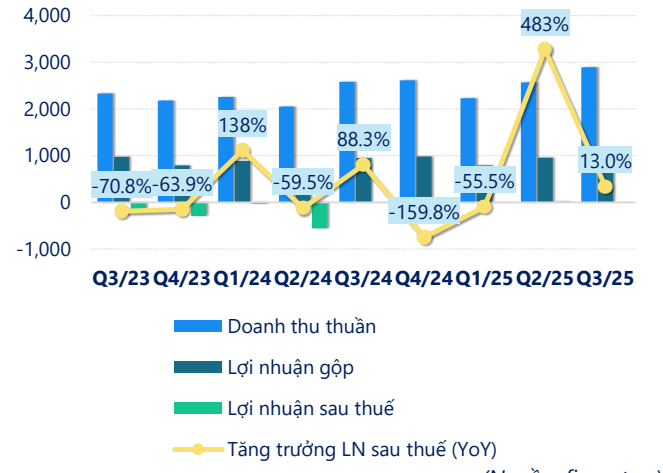

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

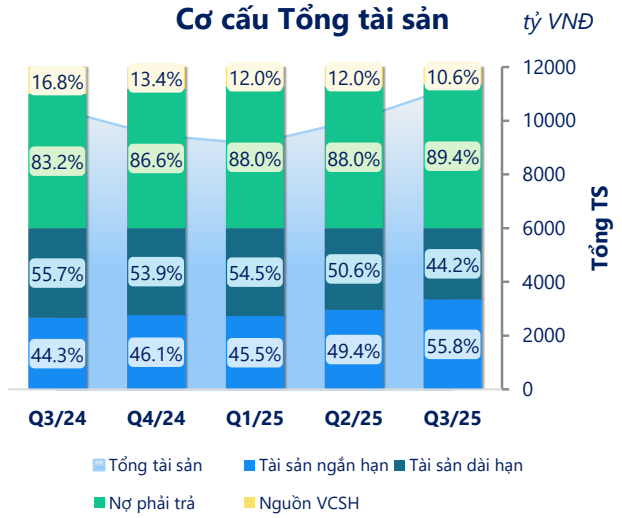

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

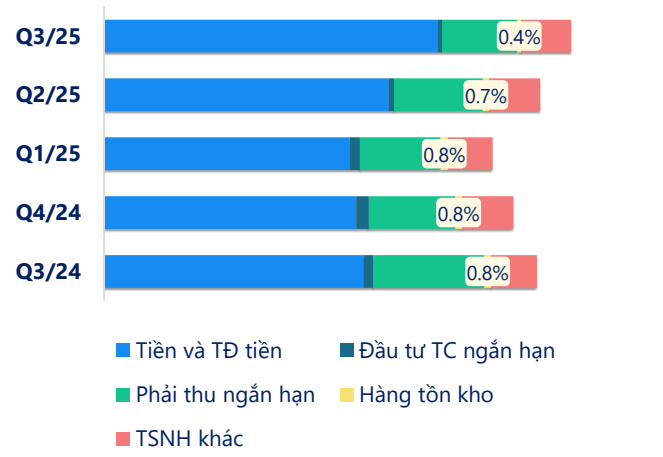

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

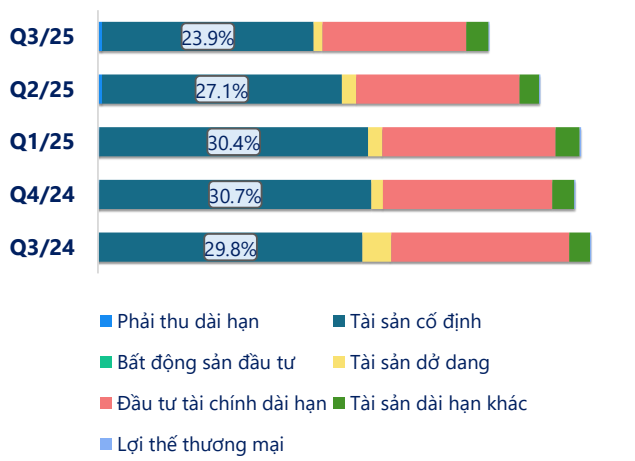

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

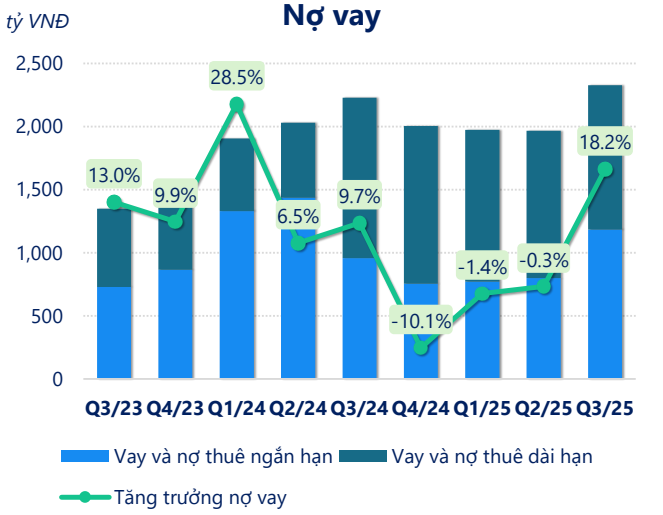

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

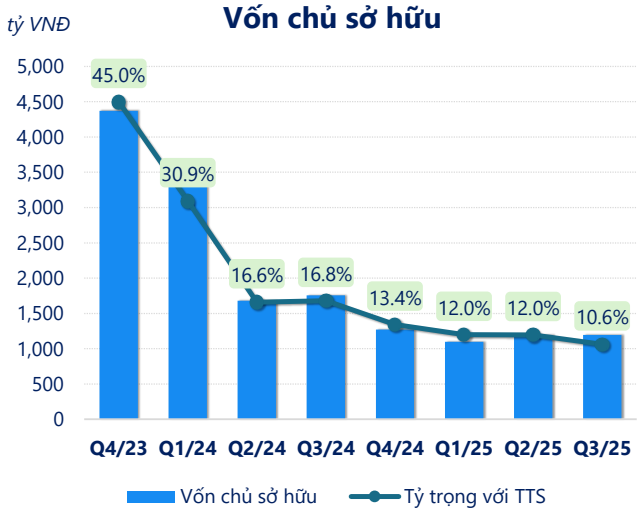

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

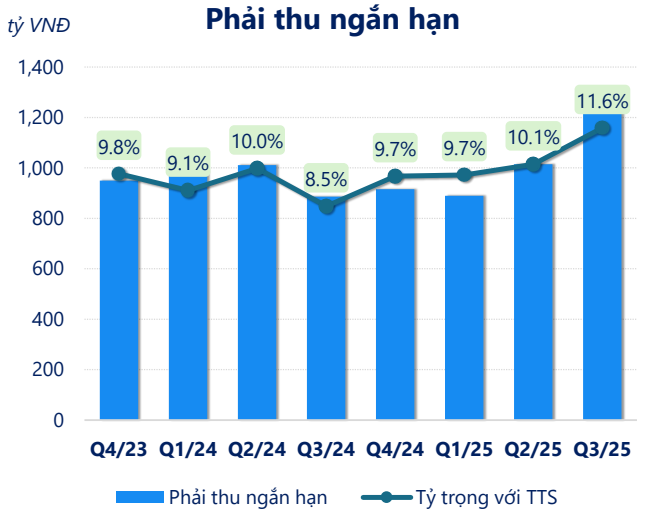

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

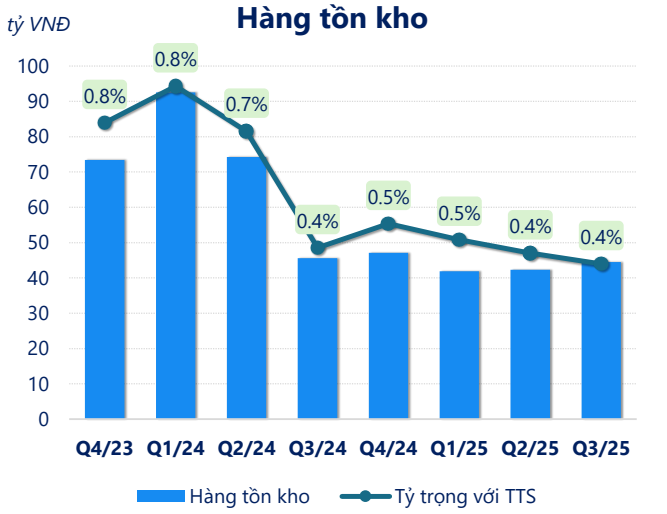

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

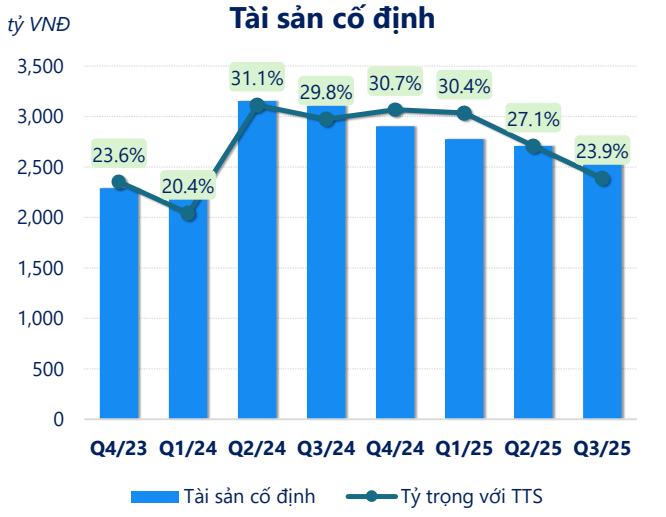

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

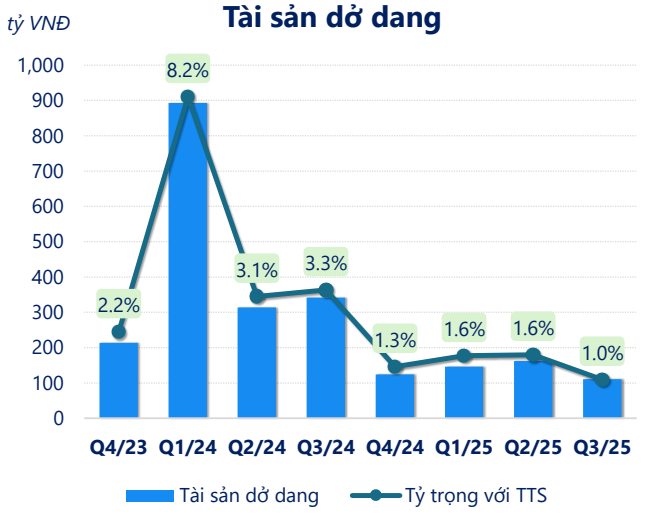

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

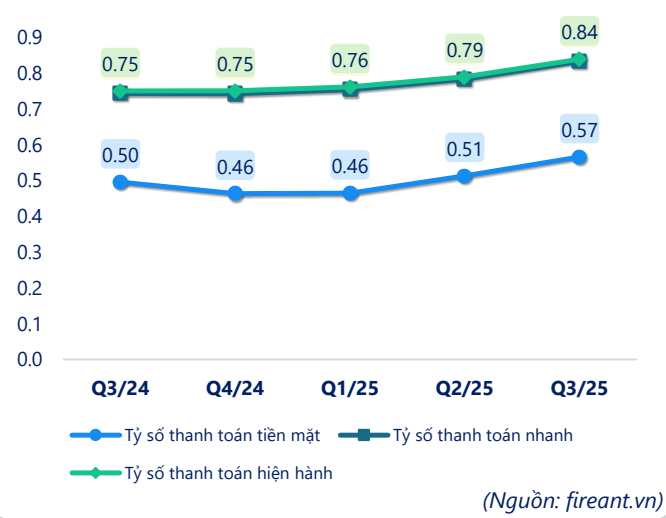

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

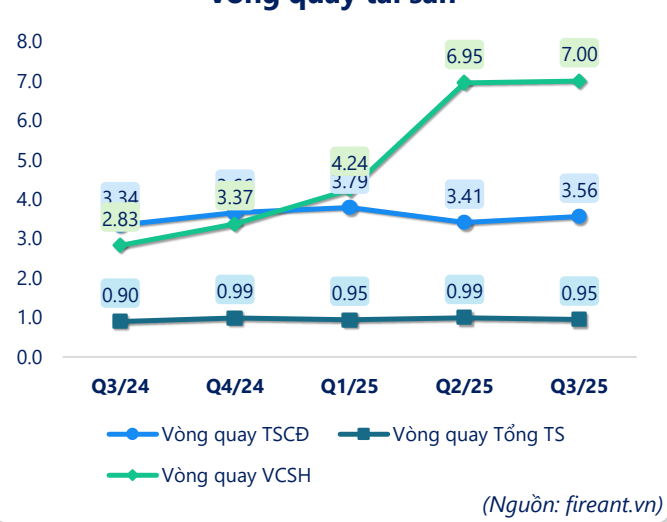

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**10,441**	**9,460**	**9,151**	**10,005**	**11,244**
Tài sản ngắn hạn	**4,628**	**4,362**	**4,163**	**4,947**	**6,277**
Tiền và tương đương tiền	3,055	2,693	2,538	3,215	4,234
Đầu tư tài chính ngắn hạn	51.5	110	114	59.3	84.3
Phải thu ngắn hạn	886	916	890	1,015	1,303
Hàng tồn kho	45.6	47.1	41.9	42.3	44.5
Tài sản ngắn hạn khác	591	596	579	616	612
Tài sản dài hạn	**5,813**	**5,098**	**4,988**	**5,058**	**4,966**
Phải thu dài hạn	8.94	13.6	12.8	44.1	52.6
Tài sản cố định	3,107	2,904	2,778	2,710	2,684
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	341	124	146	162	111
Đầu tư tài chính dài hạn	2,094	1,806	1,790	1,842	1,823
Tài sản dài hạn khác	248	237	249	222	284
Lợi thế thương mại	13.8	13.3	12.8	12.2	11.7
Nợ phải trả	**8,688**	**8,190**	**8,054**	**8,809**	**10,050**
Nợ ngắn hạn	**6,167**	**5,809**	**5,463**	**6,261**	**7,481**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	958	755	770	798	1,183
Phải trả người bán ngắn hạn	518	615	450	565	424
Nợ dài hạn	2,521	2,381	2,591	2,548	2,569
Vay và nợ thuê dài hạn	1,270	1,249	1,204	1,169	1,144
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,754**	**1,270**	**1,097**	**1,196**	**1,194**
Vốn chủ sở hữu	**1,754**	**1,270**	**1,097**	**1,196**	**1,194**
Vốn điều lệ	287	287	287	294	294
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)